

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27-02-2024

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ni

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tâm

Ông Nguyễn Văn Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 690/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023, về tranh chấp ly hôn và nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp MT, xã AP, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 04/01/2024.

- Bị đơn: Chị Huỳnh Bích X, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp GC, xã ĐH, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Huỳnh Bích X tự nguyện chung sống với nhau năm 2003, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, đã không chung sống với nhau vào năm 2017. Nay tình cảm không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên anh yêu cầu ly hôn với chị X.

Về con chung: Anh và chị X có 02 con chung tên Nguyễn Chí H1, sinh ngày 27/9/2003 và Nguyễn Thị Diễm Ph, sinh ngày 09/01/2008; cháu H1 đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết;

cháu Phúc hiện do chị X nuôi dưỡng, anh đồng ý giao cháu Ph cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị X không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn chị Huỳnh Bích X: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, cũng như triệu tập chị X tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng chị X vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, còn bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T và chị Huỳnh Bích X; Anh T và chị X có 02 con chung tên Nguyễn Chí Hải, sinh ngày 27/9/2003 và Nguyễn Thị Diễm Phúc, sinh ngày 09/01/2008, cháu Hải đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; giao cháu Phúc cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết; Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T yêu cầu ly hôn với chị Huỳnh Bích X, chị X cư trú tại: Ấp GC, xã ĐH, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị Huỳnh Bích X đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị X theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh T yêu cầu ly hôn với chị X, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T xác định anh và chị X tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, đã không chung sống với nhau vào năm 2017. Nay T cảm không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên tôi yêu cầu ly hôn với chị X.

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*

Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”*.

Căn cứ vào quy định pháp luật nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T và chị Huỳnh Bích X.

[4] Về con chung: Anh T xác định anh và chị X có 02 con chung tên Nguyễn Chí H1, sinh ngày 27/9/2003 và Nguyễn Thị Diễm Ph, sinh ngày 09/01/2008.

Đối với cháu Nguyễn Chí H1 đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xem xét, giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Thị Diễm Ph hiện do chị X nuôi dưỡng, để đảm bảo việc phát triển bình thường và cuộc sống ổn định cho cháu Ph thì cần tiếp tục giao cháu Phúc cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có tài sản chung và không có nợ chung với chị X, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T và chị Huỳnh Bích X.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Diễm Ph, sinh ngày 09/01/2008 cho chị Huỳnh Bích X tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng anh Nguyễn Văn T phải chịu. Anh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009763 ngày 28/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, anh Nguyễn Văn T và chị Huỳnh Bích X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ni

